

THẺ LỆ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MÃI TÍCH ĐIỂM NGAY - NHẬN QUÀ MÊ SAY

Bằng việc tham gia chương trình này, Khách hàng mặc định đồng ý và chấp nhận tất cả các điều khoản và điều kiện của chương trình được liệt kê theo nội dung cụ thể như dưới đây.

- 1. Tên chương trình:** “TÍCH ĐIỂM NGAY - NHẬN QUÀ MÊ SAY”
- 2. Thời gian triển khai:** Từ ngày **22/09/2026** đến ngày **31/12/2026**.
- 3. Đối tượng tham gia:** Khách hàng cá nhân có sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng Bản Việt được quy định tại Khoản 6.1 Mục 6 Thẻ lệ này.
- 4. Giải thích từ ngữ**
 - Ngân hàng/BVBank: Là Ngân hàng TMCP Bản Việt.
 - Khách hàng/KH : Là cá nhân có sử dụng sản phẩm, dịch vụ của BVBank.
 - Loyalty BVBank : Là kho quà tặng do BVBank triển khai dành cho các Khách hàng cá nhân.
 - Tiền gửi trực tuyến: Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn mở qua kênh Ngân hàng điện tử của BVBank.
 - Thấu chi/Vay trực tuyến : Là khoản vay theo hạn mức thấu chi hoặc vay từng lần qua kênh Ngân hàng điện tử của BVBank.
 - SDTGBQ : Số dư tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến bình quân
 - DNBQ : Số dư nợ cho vay/thấu chi trực tuyến bình quân
 - MCC : Merchant Category Code, mã loại hình đơn vị chấp nhận thẻ, là số có 4 chữ số dùng để phân loại loại hình giao dịch tiêu dùng.
- 5. Quy định chung:**
 - 5.1. Mỗi khách hàng chỉ có duy nhất 01 (một) tài khoản điểm thưởng, quản lý tất cả các điểm thưởng tích lũy được từ các giao dịch của khách hàng; hoặc được tặng thưởng theo các chương trình khuyến mãi/ưu đãi được BVBank triển khai từng thời kỳ.
 - 5.2. Khách hàng có thể sử dụng điểm thưởng này để quy đổi thành các quà tặng có giá trị trong kho quà Loyalty BVBank, bao gồm: Hoàn tiền vào tài khoản thanh toán hoặc tài khoản thẻ tín dụng của Khách hàng tại BVBank; các phiếu mua hàng/giảm giá/ưu đãi điện tử (E-voucher) và các quà tặng khác được BVBank triển khai từng thời kỳ.
 - 5.3. Chỉ có chính chủ tài khoản điểm thưởng mới được quyền sử dụng điểm thưởng và không được chuyển nhượng điểm thưởng cho khách hàng khác dưới bất kỳ hình thức nào.
 - 5.4. BVBank có quyền không cộng điểm cho các trường hợp nghi ngờ gian lận, giả mạo hoặc không đúng bản chất tiêu dùng cá nhân hợp pháp.
 - 5.5. Thời hạn hiệu lực của điểm thưởng:
 - i. Điểm thưởng tích lũy trong năm tài chính sẽ có hiệu lực đến hết quý 1 năm tiếp theo. Sau thời điểm này, tất cả các điểm thưởng đã hết hiệu lực sẽ không còn giá trị sử dụng.
Ví dụ: Điểm thưởng tích lũy được trong năm 2026 sẽ có hiệu lực đến hết 31/03/2027. Sau thời điểm 31/03/2027, điểm đã tích lũy trong năm 2026 sẽ bằng 0.

- ii. Trường hợp khách hàng ngừng sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử thì toàn bộ điểm thưởng tích lũy từ giao dịch Ngân hàng điện tử sẽ tự động hết hiệu lực và không còn giá trị sử dụng. Các điểm thưởng tích lũy từ chương trình tích lũy điểm thưởng Thẻ tín dụng của khách hàng vẫn còn hiệu lực.

5.6. BVBank có quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc chấm dứt các chính sách tại Quy định này tùy từng thời điểm theo quyết định của BVBank và phù hợp quy định pháp luật.

5.7. Khách hàng có quyền gửi yêu cầu tra soát, khiếu nại về điểm thưởng và các giao dịch đổi điểm thưởng qua Tổng đài 1900555596 hoặc các điểm giao dịch của BVBank trong vòng 30 ngày kể từ ngày được cộng điểm hoặc Ngày phát sinh giao dịch đổi điểm thưởng.

a. Trường hợp có tổn thất phát sinh và nguyên nhân được xác định không do lỗi của Khách hàng, BVBank sẽ thực hiện việc bồi hoàn cho Khách hàng trong thời hạn tối đa 07 Ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Khách hàng.

b. Trường hợp có tổn thất phát sinh và nguyên nhân được xác định do lỗi của Khách hàng: BVBank không có nghĩa vụ thực hiện việc bồi hoàn tổn thất cho Khách hàng.

5.8. Quyết định của BVBank về các vấn đề liên quan đến Chương trình là quyết định cuối cùng và ràng buộc đối với Khách hàng.

5.9. Các Điều khoản của chương trình này do Luật Việt Nam điều chỉnh.

6. Quy định cộng điểm thưởng:

6.1. Tỷ lệ cộng điểm thưởng

Stt	Sản phẩm/chương trình áp dụng	Cơ sở tính điểm	Tỷ lệ cộng điểm (*)
1	Giao dịch Ngân hàng điện tử		
1.1	Tiền gửi trực tuyến	Số dư tiền gửi có kỳ hạn bình quân mỗi tháng	01 triệu đồng = 5 điểm
1.2	Vay và thấu chi trực tuyến	Dư nợ bình quân mỗi tháng	01 triệu đồng = 50 điểm
1.3	Nạp tiền điện thoại/ thanh toán hóa đơn	Số lần giao dịch thành công (**)	01 giao dịch = 100 điểm
2	Chương trình tích lũy điểm thưởng Thẻ tín dụng - Khách hàng tích lũy điểm thưởng khi phát sinh giao dịch chi tiêu, thanh toán hợp lệ bằng thẻ tín dụng quy định tại Điểm 6.2.2, Khoản 6.2 Mục 6 Thẻ lệ này. - Khách hàng có thể dùng điểm thưởng để quy đổi sang tiền hoàn/ các quà tặng có giá trị trong kho quà Loyalty BVBank. - Số điểm tích tối đa/Khách hàng/tháng: 2.000.000 điểm		
2.1	Thẻ BVBank Visa inStyle	Số điểm tích lũy căn cứ trên giá trị giao	Giá trị tích điểm = 1% đến 10% tổng chi tiêu tương ứng từng lĩnh vực tích điểm

		dịch thẻ phát sinh trong các danh mục chi tiêu/ đơn vị chấp nhận thẻ được áp dụng tích điểm, được ghi nhận thành công trên hệ thống BVBank và đáp ứng các quy định của BVBank theo từng thời kỳ.	tại Điểm 6.2.2.2, Khoản 6.2 Mục 6 Thẻ lệ này.
2.2	Thẻ BVBank Visa Lifestyle		Giá trị tích điểm = 1% đến 20% tổng chi tiêu tương ứng từng lĩnh vực tích điểm quy định tại Điểm 6.2.2.3, Khoản 6.2 Mục 6 Thẻ lệ này.
2.3	Thẻ BVBank JCB Sense		Giá trị tích điểm = 3% đến 10% tổng chi tiêu tương ứng từng lĩnh vực và đơn vị chấp nhận thanh toán tại Điểm 6.2.2.4, Khoản 6.2 Mục 6 Thẻ lệ này.
2.4	Thẻ BVBank Visa Ms		Giá trị tích điểm = 0.5% đến 5% tổng chi tiêu tương ứng từng lĩnh vực và đơn vị chấp nhận thanh toán tại Điểm 6.2.2.5, Khoản 6.2 Mục 6 Thẻ lệ này.
2.5	Thẻ BVBank JCB Ms		Giá trị tích điểm = 1% đến 2% tổng chi tiêu tương ứng từng lĩnh vực và đơn vị chấp nhận thanh toán tại Điểm 6.2.2.6, Khoản 6.2 Mục 6 Thẻ lệ này.
2.6	Thẻ BVBank Visa Signature		Giá trị tích điểm đến 5% tổng chi tiêu tương ứng từng lĩnh vực và đơn vị chấp nhận thanh toán tại Điểm 6.2.2.7, Khoản 6.2 Mục 6 Thẻ lệ này.
2.7	Thẻ BVBank JCB Ultimate		Giá trị tích điểm đến 10% tổng chi tiêu tương ứng từng lĩnh vực và đơn vị chấp nhận thanh toán tại Điểm 6.2.2.8, Khoản 6.2 Mục 6 Thẻ lệ này.

(*) Đối với giao dịch bằng ngoại tệ sẽ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tương ứng được BVBank quy định từng thời kỳ để làm cơ sở tính điểm thưởng cho khách hàng.

(**) Chỉ áp dụng đối với giao dịch thanh toán bằng tài khoản thanh toán. Trường hợp thanh toán bằng Thẻ tín dụng, Khách hàng được tích điểm theo Chương trình tích lũy điểm thưởng Thẻ tín dụng.

6.2. Cơ chế tính điểm thưởng:

6.2.1. Đối với giao dịch Ngân hàng điện tử

- Giao dịch tiền gửi, vay và thấu chi trực tuyến:
 - Cộng điểm 1 tháng/lần trong vòng 2 (hai) ngày đầu tiên của mỗi tháng, căn cứ trên Số dư tiền gửi bình quân, Số dư nợ vay và thấu chi bình quân của tháng liền trước.
 - Công thức tính số bình quân/tháng:

$$\text{SDTGBQ} = \frac{\text{Số dư tiền gửi ngày thứ 1} + \dots + \text{Số dư tiền gửi ngày thứ n}}{n}$$

$$\text{DNBQ} = \frac{\text{Dư nợ ngày thứ 1} + \dots + \text{Dư nợ ngày thứ n}}{n}$$

(n: là số ngày trong tháng)

- Điều kiện cộng điểm thưởng: Khách hàng duy trì ít nhất 01 tài khoản tiền gửi trực tuyến (đối với điểm tính trên Số dư tiền gửi bình quân) và ít nhất 01 khoản vay/thấu chi trực tuyến (đối với điểm tính trên Dư nợ bình quân) đến ngày cuối cùng của tháng chốt số liệu.
- Giao dịch nạp tiền điện thoại/thanh toán hóa đơn:
 - Cộng điểm định kỳ một ngày/lần vào cuối mỗi ngày, căn cứ số lượng giao dịch nạp tiền điện thoại/ thanh toán hóa đơn được hệ thống BVBank ghi nhận thành công trong ngày. Trường hợp ngày cộng điểm là ngày nghỉ, ngày lễ thì điểm thưởng sẽ được cộng vào cuối ngày làm việc tiếp theo.
 - Các giao dịch không thành công hoặc chưa xác định được trạng thái thành công sẽ không được cộng điểm.
 - Giao dịch nạp tiền điện thoại/thanh toán hóa đơn bằng Thẻ tín dụng được cộng điểm theo quy định đối với Khoản 6.2.2, Mục 6 Thẻ lệ này.

6.2.2. Đối với Chương trình tích lũy điểm thưởng Thẻ tín dụng

6.2.2.1 Quy định chung

- **Giao dịch hợp lệ (giao dịch được tích điểm thưởng, giao dịch tính vào tổng doanh số chi tiêu/tháng):** là các giao dịch mua sắm và thanh toán hàng hóa dịch vụ cho mục đích chi tiêu cá nhân tại các điểm chấp nhận Thẻ (POS) hoặc thanh toán trực tuyến bằng Thẻ được ghi nhận thành công vào hệ thống BVBank. Giao dịch hợp lệ không bao gồm:
 - + Các loại phí, thuế hàng hóa, dịch vụ;
 - + Giao dịch rút tiền mặt hoặc tương đương rút tiền mặt;
 - + Giao dịch nghỉ ngơi rút tiền mặt hoặc giao dịch gian lận;
 - + Giao dịch liên quan đến hoạt động chuyển tiền trên các trang điện tử;
 - + Giao dịch liên quan đến hoạt động mua bán chứng khoán, ngoại hối, tiền ảo, đánh bạc, cá độ hoặc giao dịch bị cấm theo quy định Ngân hàng Nhà nước;
 - + Giao dịch liên quan đến hoạt động nạp tiền vào thẻ thanh toán trước;
 - + Giao dịch chuyển đổi ngoại tệ
 - + Các giao dịch đã được cộng điểm nhưng sau đó bị hủy (hủy toàn bộ/một phần giá trị giao dịch) hoặc các giao dịch bị hủy, hoàn trả, tranh chấp;

- + Số tiền trả góp hàng tháng của chương trình trả góp, giao dịch điều chỉnh ghi nợ và những loại phí/lãi khác theo Biểu phí dịch vụ và Lãi suất Thẻ;
- + Giao dịch đặt cọc, thanh toán liên quan đến việc chuyển nhượng bất động sản (bao gồm quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền trên đất);
- + Giao dịch thanh toán hóa đơn điện, nước, điện thoại, internet, truyền hình, xăng, dầu, gas, dầu sưởi, thanh toán dịch vụ hệ thống công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông... trừ khi có quy định đặc biệt theo quy định tương ứng từng sản phẩm thẻ cụ thể
- + Giao dịch tại ĐVCNT quảng cáo trực tuyến trừ khi có quy định đặc biệt theo quy định tương ứng từng sản phẩm thẻ cụ thể
- + Giao dịch thuộc danh mục chi tiêu (MCC) hạn chế: 7311, 7399, 4829, 6010, 6050, 6051, 6211, 6513, 6530, 6538, 9211, 9222, 9311, 9399, 9402, 9405, 7995, 5541, 5542, 6011, 7801, 7802, 9754, 5499, 5735, 8398, 8661, 7321, 7333, 7338, 7339, 7342, 7349, 7361, 7372, 7392, 7393, 7394, 7395, 7523, 6012, 6532, 6533, 6536, 6537, 6540, 6529, 9223, 5816, 5983, 5172, 7800, 9406, 4900, 4814, 4899, 5999, 5960, 5968, 5962, 5963, 5964, 5965, 5966, 5967, 5969, 5734, 5944, 5094, 7631, 7999, 5815, 5817, 5818, 4816, 8999, 5945 (*Chi tiết diễn giải xem Phụ lục 1 – Danh sách MCC hạn chế*). Danh mục MCC hạn chế có thể thay đổi theo quy định của BVBank tại từng thời kỳ.
- + Giao dịch được ghi nhận trên Bảng sao kê vào ngày lập Bảng sao kê sau khi Thẻ bị hủy.
- + Giao dịch qua dịch vụ ngân hàng điện tử Digimi
- + Các giao dịch khác do BVBank quy định tùy từng thời điểm

- Các quy định chung khác:

- + Đối với các giao dịch đã được cộng điểm nhưng sau đó bị hủy hoặc được tích điểm toàn bộ hoặc một phần, BVBank có quyền điều chỉnh/thu hồi lại điểm thưởng đã cộng. BVBank sẽ tính số điểm cần thu hồi căn cứ theo tỉ lệ ưu đãi cao nhất đang áp dụng cho Khách hàng.
- + Điểm thưởng được tính cho Chủ thẻ bắt đầu khi phát sinh giao dịch thanh toán đầu tiên trong thời gian hiệu lực của chương trình và kéo dài cùng với thời hạn hợp đồng phát hành thẻ của Chủ thẻ hoặc khi có thông báo của BVBank về việc tạm ngưng và/hoặc chấm dứt chương trình.
- + Điểm thưởng tích lũy được của Chủ thẻ phụ sẽ được tự động chuyển vào tài khoản Điểm thưởng của Chủ thẻ chính.
- + Thẻ được yêu cầu thanh lý trước thời điểm chốt danh sách tích điểm sẽ không được hưởng ưu đãi
- + Giao dịch thỏa điều kiện nhận tích điểm không được tiếp tục xét tham gia các chương trình tích điểm khác được triển khai cùng thời điểm; hoặc theo thông báo triển khai từng thời kỳ của BVBank trên website <https://bvbank.net.vn>

- Thời gian trả thưởng

Sản phẩm	Thời gian trả thưởng
Thẻ BVBank Visa inStyle	Chốt danh sách tích điểm: Định kỳ 1 tháng/lần, các giao dịch đủ điều kiện tích điểm trong tháng T sẽ được chốt danh sách vào ngày làm việc đầu tiên của tháng T+1. Điểm thưởng tương ứng sẽ được ghi nhận
Thẻ BVBank Visa Lifestyle	
Thẻ BVBank JCB Sense	
Thẻ BVBank Visa Ms	

Thẻ BVBank JCB Ms	vào tài khoản điểm của Khách hàng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày chốt danh sách, trừ trường hợp có thông báo khác từ BVBank.
Thẻ BVBank Visa Signature	
Thẻ BVBank JCB Ultimate	

6.2.2.2. Chương trình tích lũy điểm thưởng dành cho Thẻ BVBank Visa inStyle

Tích lũy Điểm thưởng theo giá trị Giao dịch chi tiêu, chi tiết như sau:

STT	Tổng doanh số chi tiêu/tháng	Lĩnh vực nhận tích điểm	Tỷ lệ tích điểm	Số điểm thưởng tích lũy tối đa/khách hàng/ tháng
1	Từ 50 triệu VNĐ trở lên	Bảo hiểm	10% giá trị giao dịch chi tiêu	400.000 điểm
		Siêu thị	3% giá trị giao dịch chi tiêu	400.000 điểm
2	Từ 15 triệu VNĐ - dưới 50 triệu VNĐ	Bảo hiểm	6% giá trị giao dịch chi tiêu	200.000 điểm
		Siêu thị	2% giá trị giao dịch chi tiêu	200.000 điểm
3	Dưới 15 triệu VNĐ	Bảo hiểm	3% giá trị giao dịch chi tiêu	100.000 điểm
		Siêu thị	1% giá trị giao dịch chi tiêu	100.000 điểm

- Việc xác định giao dịch chi tiêu của khách hàng thuộc lĩnh vực nào căn cứ vào mã MCC hệ thống BVBank ghi nhận.
 - + MCC lĩnh vực siêu thị: 5411
 - + MCC lĩnh vực Bảo hiểm: 6300
- Chỉ tích Điểm thưởng cho thẻ có tổng doanh số giao dịch từ 3 triệu/tháng trở lên

6.2.2.3. Chương trình tích lũy điểm thưởng dành cho Thẻ BVBank Visa Lifestyle

Ưu đãi 1: Tích điểm 50% Giá trị giao dịch khi chi tiêu tại Netflix/ Vion/ ChatGPT (tích tối đa 50.000 điểm/nhà bán hàng/tháng)

Ưu đãi 2: Hàng tháng, Khách hàng được tích điểm theo Giá trị giao dịch chi tiêu tại một trong 3 lĩnh vực tự chọn, chi tiết như sau:

Stt	Tổng doanh số chi tiêu/tháng	Lĩnh vực nhận tích điểm	Tỷ lệ tích điểm	Số điểm thưởng tích lũy tối đa/khách hàng/ tháng
1	Từ 50 triệu VNĐ trở lên	Thời trang (Fashion)	20%	800.000 điểm
		Du lịch (Travel)	10%	800.000 điểm
		Ăn uống (Dining)	5%	800.000 điểm

2	Từ 15 triệu VNĐ - dưới 50 triệu VNĐ	Thời trang (Fashion)	10%	400.000 điểm
		Du lịch (Travel)	5%	400.000 điểm
		Ăn uống (Dining)	3%	400.000 điểm
3	Dưới 15 triệu VNĐ	Thời trang (Fashion)	5%	200.000 điểm
		Du lịch (Travel)	3%	200.000 điểm
		Ăn uống (Dining)	1%	200.000 điểm

- Chỉ tích Điểm thưởng cho thẻ có tổng doanh số giao dịch từ 3 triệu/tháng trở lên
- Khách hàng lựa chọn và có thể thay đổi lĩnh vực nhận tích điểm hàng tháng thông qua ứng dụng ngân hàng điện tử Digimi hoặc một kênh khác được BVBank triển khai và thông báo tại từng thời kỳ
- Mỗi Khách hàng được tích điểm tại 1 lĩnh vực/tháng
- Lĩnh vực được tích điểm cho các giao dịch trong tháng T là lĩnh vực được BVBank ghi nhận theo đăng ký của Khách hàng tại ngày dương lịch cuối cùng của tháng T
- Việc xác định giao dịch chi tiêu của khách hàng thuộc lĩnh vực nào căn cứ vào mã MCC hệ thống ghi nhận.

+ MCC lĩnh vực Thời trang (Fashion): 5977, 5699, 5691, 5661, 5655, 5651, 5641, 5631, 5621, 5611.

+ MCC lĩnh vực Ăn uống (Dining): 5811, 5812, 5813

+ MCC lĩnh vực Du lịch (Travel):

3021	3132	3055	3184	3506	3595	3685	3790	3570	3694	3799
3022	3136	3056	3185	3508	3596	3687	3791	3571	3698	3800
3024	3144	3057	3186	3509	3598	3690	3793	3574	3699	3801
3025	3146	3059	3187	3510	3604	3692	3794	3578	3701	3808
3026	3161	3060	3188	3511	3607	3693	3795	3580	3702	3814
3028	3174	3062	3190	3512	3608	3695	3797	3582	3704	3815
3029	3175	3063	3191	3513	3609	3696	3802	3584	3705	3820
3030	3180	3064	3193	3514	3612	3697	3807	3585	3706	3821
3031	3182	3065	3197	3515	3613	3700	3811	3587	3707	3827
3032	3183	3067	3200	3516	3614	3703	3812	3588	3708	4511
3033	3196	3071	3203	3518	3615	3709	3813	3589	3711	4722
3034	3206	3083	3204	3519	3617	3710	3816	3593	3713	4723
3035	3211	3085	3212	3520	3618	3712	3818	3594	3714	
3037	3217	3086	3213	3523	3619	3715	3819	3597	3718	
3038	3219	3087	3215	3524	3621	3716	3824	3599	3723	
3039	3228	3088	3216	3526	3623	3717	3825	3600	3724	
3040	3234	3089	3218	3528	3625	3719	3826	3601	3725	
3042	3236	3094	3220	3529	3627	3720	3828	3602	3726	
3043	3245	3097	3221	3530	3628	3721	3829	3603	3727	

3044	3246	3106	3222	3533	3630	3722	3830	3620	3729
3047	3247	3110	3223	3535	3631	3728	3831	3622	3732
3048	3248	3111	3226	3537	3634	3730	3832	3624	3734
3049	3256	3115	3229	3538	3635	3731	3833	3626	3735
3050	3260	3117	3231	3541	3636	3738	3834	3629	3736
3051	3261	3118	3233	3542	3637	3739	3835	3632	3737
3052	3266	3125	3235	3543	3638	3740	3836	3633	3743
3058	3267	3126	3238	3544	3640	3741	7011	3639	3744
3061	3292	3129	3239	3545	3641	3742	3507	3645	3746
3066	3294	3130	3240	3548	3642	3745	3517	3646	3748
3068	3295	3131	3241	3551	3643	3747	3521	3647	3749
3069	3297	3133	3242	3552	3644	3750	3522	3653	3752
3070	3298	3135	3243	3553	3648	3751	3525	3656	3753
3072	3299	3137	3251	3555	3649	3757	3527	3657	3754
3075	3300	3138	3252	3559	3650	3763	3531	3664	3755
3076	3301	3143	3254	3561	3651	3765	3532	3666	3758
3077	3302	3145	3259	3562	3652	3766	3534	3669	3759
3078	3303	3148	3262	3563	3654	3769	3536	3670	3760
3079	3308	3151	3263	3567	3655	3770	3539	3671	3761
3080	3002	3154	3280	3569	3658	3771	3540	3673	3762
3081	3003	3156	3282	3572	3659	3772	3546	3674	3764
3082	3004	3159	3284	3573	3660	3773	3549	3677	3767
3084	3018	3164	3285	3575	3661	3774	3550	3678	3768
3090	3019	3165	3286	3576	3662	3776	3554	3680	3775
3096	3023	3167	3287	3577	3663	3777	3556	3681	3781
3098	3027	3170	3293	3579	3665	3778	3557	3682	3783
3099	3036	3171	3296	3581	3667	3779	3558	3683	3784
3100	3041	3172	3501	3583	3668	3780	3560	3684	3787
3102	3045	3176	3502	3586	3672	3782	3564	3686	3789
3103	3046	3177	3503	3590	3675	3785	3565	3688	3792
3112	3053	3178	3504	3591	3676	3786	3566	3689	3796
3127	3054	3181	3505	3592	3679	3788	3568	3691	3798

6.2.2.4. Chương trình tích lũy điểm thưởng dành cho Thẻ BVBank JCB Sense

Tích lũy Điểm thưởng theo giá trị Giao dịch chi tiêu, chi tiết như sau:

STT	Tổng doanh số chi tiêu/tháng	Đơn vị chấp nhận thẻ/ Lĩnh vực nhận tích điểm	Tỷ lệ tích điểm	Số điểm thưởng tích lũy tối đa/khách hàng/ tháng
1	Từ 50 triệu VNĐ trở lên	Thời trang	10% giá trị giao dịch chi tiêu	400.000 điểm
		Ăn uống	10% giá trị giao dịch chi tiêu	400.000 điểm

2	Từ 15 triệu VNĐ - dưới 50 triệu VNĐ	Thời trang	6% giá trị giao dịch chi tiêu	200.000 điểm
		Ăn uống	6% giá trị giao dịch chi tiêu	200.000 điểm
3	Dưới 15 triệu VNĐ	Thời trang	3% giá trị giao dịch chi tiêu	100.000 điểm
		Ăn uống	3% giá trị giao dịch chi tiêu	100.000 điểm

- Chỉ tích Điểm thưởng cho thẻ có tổng doanh số giao dịch từ 3 triệu/tháng trở lên
- Việc xác định giao dịch chi tiêu của khách hàng thuộc lĩnh vực nào căn cứ vào mã MCC hệ thống ghi nhận.
 - + MCC lĩnh vực Thời trang: 5977, 5699, 5691, 5661, 5655, 5651, 5641, 5631, 5621, 5611
 - + MCC lĩnh vực Ăn uống: 5811, 5812, 5813

6.2.2.5. Chương trình tích lũy điểm thưởng dành cho Thẻ BVBank Visa Ms

Ưu đãi 1: Tích điểm 100% giá trị Giao dịch chi tiêu tại Metro Hồ Chí Minh:

- Tổng doanh số chi tiêu từ 15 triệu VNĐ trở lên: tích tối đa 100.000 điểm/Khách hàng/tháng
- Tổng doanh số chi tiêu dưới 15 triệu VNĐ trở lên: tích tối đa 50.000 điểm/Khách hàng/tháng

Ưu đãi 2: Tích lũy Điểm thưởng theo giá trị Giao dịch chi tiêu, chi tiết như sau:

STT	Tổng doanh số chi tiêu/tháng	Lĩnh vực/ nhận tích điểm	Tỷ lệ tích điểm	Số điểm thưởng tích lũy tối đa/khách hàng/ tháng
1	Từ 15 triệu VNĐ trở lên	Shopee, TiktokShop, Lazada	5% giá trị giao dịch chi tiêu	200.000 điểm
		Các giao dịch trực tuyến khác	0.5% giá trị giao dịch chi tiêu	200.000 điểm
		Giao dịch chi tiêu tại Metro Hồ Chí Minh	100% giá trị giao dịch chi tiêu	100.000 điểm
2	Dưới 15 triệu VNĐ	Shopee, TiktokShop, Lazada	2% giá trị giao dịch chi tiêu	100.000 điểm
		Các giao dịch trực tuyến khác	0.5% giá trị giao dịch chi tiêu	100.000 điểm
		Giao dịch chi tiêu tại Metro Hồ Chí Minh	100% giá trị giao dịch chi tiêu	50.000 điểm

- Chỉ tích Điểm thưởng cho thẻ có tổng doanh số giao dịch từ 3 triệu/tháng trở lên

6.2.2.6. Chương trình tích lũy điểm thưởng dành cho Thẻ BVBank JCB Ms

Tích lũy Điểm thưởng theo giá trị Giao dịch chi tiêu, chi tiết như sau:

Stt	Lĩnh vực nhận tích điểm	Đơn vị chấp nhận thẻ/ Lĩnh vực nhận tích điểm	Tỷ lệ tích điểm	Số điểm thưởng tích lũy tối đa/khách hàng/ tháng
1	Giao dịch tại các trang thương mại điện tử	Lazada, Shopee, Tiki	1% giá trị giao dịch chi tiêu	100,000 điểm
2	Giao dịch cửa hàng mỹ phẩm	MCC 5977	2% giá trị giao dịch chi tiêu	200,000 điểm

- Chỉ tích Điểm thưởng cho thẻ có tổng doanh số giao dịch từ 3 triệu/tháng trở lên

6.2.2.7. Chương trình tích lũy điểm thưởng dành cho Thẻ BVBank Visa Signature

Ưu đãi 1: Tích điểm 5% giá trị giao dịch chi tiêu tại Nhà hàng ăn uống

- Tích tối đa 400.000 điểm/tháng
- Áp dụng tích điểm thưởng cho mỗi giao dịch chi tiêu nội địa bằng VNĐ từ 1.000.000 VNĐ trở lên.
- Việc xác định giao dịch chi tiêu của khách hàng thuộc lĩnh vực nào căn cứ vào mã MCC hệ thống BVBank ghi nhận.

+ MCC lĩnh vực Nhà hàng ăn uống: 5811, 5812, 5813

Ưu đãi 2: Tích lũy Điểm thưởng theo giá trị Giao dịch chi tiêu, chi tiết như sau:

STT	Tổng doanh số chi tiêu/tháng	Lĩnh vực nhận tích điểm	Tỷ lệ tích điểm	Số điểm thưởng tích lũy tối đa/khách hàng/ tháng
1	Từ 80 triệu VNĐ trở lên	Giáo dục	5% giá trị giao dịch chi tiêu	600.000 điểm
2	Từ 30 triệu VNĐ - dưới 80 triệu VNĐ	Giáo dục	2% giá trị giao dịch chi tiêu	400.000 điểm
3	Dưới 30 triệu VNĐ	Giáo dục	2% giá trị giao dịch chi tiêu	200.000 điểm

- Việc xác định giao dịch chi tiêu của khách hàng thuộc lĩnh vực nào căn cứ vào mã MCC hệ thống BVBank ghi nhận.

+ MCC lĩnh vực Giáo dục: 8211, 8220, 8241, 8244, 8249, 8299

- Chỉ tích Điểm thưởng cho giao dịch chi tiêu nội địa bằng VNĐ và cho thẻ có tổng doanh số giao dịch từ 3 triệu/tháng trở lên

6.2.2.8. Chương trình tích lũy điểm thưởng dành cho Thẻ BVBank JCB Ultimate

Tại thời điểm phát hành thẻ, Khách hàng được lựa chọn 01 trong 02 gói ưu đãi của BVBank JCB Ultimate: Travel (Du lịch) hoặc Healthcare (Chăm sóc sức khỏe). Sau khi lựa chọn, gói ưu đãi sẽ được gắn cố định với thẻ và không áp dụng chuyển đổi giữa các gói ưu đãi trong quá trình sử dụng thẻ.

6.2.2.8.1. Chương trình tích lũy điểm thưởng dành cho Khách hàng lựa chọn gói ưu đãi Travel

Ưu đãi 1: Tích điểm 5% giá trị giao dịch chi tiêu tại các hãng hàng không nội địa

- Tích tối đa 400.000 điểm/tháng
- Áp dụng tích điểm cho giao dịch chi tiêu nội địa bằng VNĐ từ 5.000.000 trở lên.
- Việc xác định giao dịch chi tiêu của khách hàng thuộc lĩnh vực nào căn cứ vào mã MCC hệ thống BVBank ghi nhận.

+ MCC lĩnh vực hãng hàng không nội địa: 4511

Ưu đãi 2: Tích lũy Điểm thưởng theo giá trị Giao dịch chi tiêu, chi tiết như sau:

STT	Tổng doanh số chi tiêu/tháng	Lĩnh vực nhận tích điểm	Tỷ lệ tích điểm	Số điểm thưởng tích lũy tối đa/khách hàng/ tháng
1	Từ 80 triệu VNĐ trở lên	Nhà hàng ăn uống	10% cho giao dịch tại nhà hàng Phở Đình (Uraetei Yakiniku) (*) 5% giá trị giao dịch chi tiêu nhà hàng khác	600.000 điểm
2	Từ 30 triệu VNĐ - dưới 80 triệu VNĐ	Nhà hàng ăn uống	5% cho giao dịch tại nhà hàng Phở Đình (Uraetei Yakiniku) (*) 2% giá trị giao dịch chi tiêu nhà hàng khác	400.000 điểm
3	Dưới 30 triệu VNĐ	Nhà hàng ăn uống	5% cho giao dịch tại nhà hàng Phở Đình (Uraetei Yakiniku) (*) 2% giá trị giao dịch chi tiêu nhà hàng khác	200.000 điểm

(*) BVBank có quyền thay đổi, cập nhật danh sách nhà hàng tại từng thời kỳ

- Việc xác định giao dịch chi tiêu của khách hàng thuộc lĩnh vực nào căn cứ vào mã MCC hệ thống BVBank ghi nhận.

+ MCC lĩnh vực Nhà hàng ăn uống: 5811, 5812, 5813

- Chỉ tích Điểm thưởng cho giao dịch chi tiêu nội địa bằng VNĐ và cho thẻ có tổng doanh số giao dịch từ 3 triệu/tháng trở lên

6.2.2.8.2. Chương trình tích lũy điểm thưởng dành cho Khách hàng lựa chọn gói ưu đãi Healthcare

Ưu đãi 1: Tích điểm 5% giá trị giao dịch chi tiêu tại Spa & Gym

- Tích tối đa 400.000 điểm/tháng

- Áp dụng tích điểm cho giao dịch chi tiêu nội địa bằng VNĐ có giá trị từ 1.000.000 trở lên.
 - Việc xác định giao dịch chi tiêu của khách hàng thuộc lĩnh vực nào căn cứ vào mã MCC hệ thống BVBank ghi nhận.
- + MCC lĩnh vực Spa: 7298
+ MCC lĩnh vực Gym: 7997

Ưu đãi 2: Tích lũy Điểm thưởng theo giá trị Giao dịch chi tiêu, chi tiết như sau:

STT	Tổng doanh số chi tiêu/tháng	Lĩnh vực nhận tích điểm	Tỷ lệ tích điểm	Số điểm thưởng tích lũy tối đa/khách hàng/ tháng
1	Từ 80 triệu VNĐ trở lên	Bệnh viện	10% giá trị giao dịch chi tiêu bệnh viện Vinmec (*) 5% giá trị giao dịch chi tiêu bệnh viện khác	600.000 điểm
2	Từ 30 triệu VNĐ - dưới 80 triệu VNĐ	Bệnh viện	5% giá trị giao dịch chi tiêu bệnh viện Vinmec (*) 2% giá trị giao dịch chi tiêu bệnh viện khác	400.000 điểm
3	Dưới 30 triệu VNĐ	Bệnh viện	5% giá trị giao dịch chi tiêu bệnh viện Vinmec (*) 2% giá trị giao dịch chi tiêu bệnh viện khác	200.000 điểm

(*) BVBank có quyền thay đổi, cập nhật danh sách bệnh viện tại từng thời kỳ

- Việc xác định giao dịch chi tiêu của khách hàng thuộc lĩnh vực nào căn cứ vào mã MCC hệ thống BVBank ghi nhận.
- + MCC lĩnh vực Bệnh viện: 8062
- Chỉ tích Điểm thưởng cho giao dịch nội địa bằng VNĐ và cho thẻ có tổng doanh số giao dịch từ 3 triệu/tháng trở lên

7. Quy định về việc sử dụng điểm thưởng

7.1. Điểm thưởng có thể được quy đổi thành các quà tặng được cập nhật trên ứng dụng Ngân hàng điện tử của BVBank từng thời kỳ. Danh mục quà tặng bao gồm: Hoàn tiền vào tài khoản thanh toán hoặc tài khoản thẻ tín dụng của Khách hàng tại BVBank; các phiếu mua hàng/giảm giá/ưu đãi điện tử (E-voucher) và/hoặc các quà tặng khác được BVBank triển khai từng thời kỳ.

7.2. Tỷ lệ đổi điểm:

1 điểm = 1 VNĐ tiền thưởng/ giá trị quà tặng tương đương

(Tối thiểu quy đổi 300.000 điểm thưởng/lần và tối đa 20.000.000 điểm thưởng/năm).

- 7.3. Tại thời điểm đổi quà, Khách hàng không bị chậm thanh toán/nợ quá hạn tại BVBank (bao gồm dư nợ thẻ tín dụng và dư nợ vay). Trường hợp khách hàng phát sinh chậm thanh toán/nợ quá hạn tại BVBank, điểm thưởng của khách hàng vẫn còn hiệu lực và khách hàng vẫn được cộng điểm tích lũy mới nhưng **không được sử dụng điểm để quy đổi quà tặng**.
- 7.4. Các mã E-voucher sẽ có thời hạn hiệu lực tùy theo từng loại E-voucher và sẽ được cung cấp đến khách hàng tại thông tin chi tiết của E-voucher trước và sau khi đổi quà thành công. Trong trường hợp khách hàng không sử dụng và mã E-voucher bị hết hạn, BVBank sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về yêu cầu đổi thưởng đối với mã E-voucher đã bị hết hạn.
- 7.5. Khách hàng có thể sử dụng mã E-voucher trên website của các đối tác BVBank liên kết và/hoặc các điểm sử dụng quà tặng theo chính sách của đối tác được hướng dẫn tại thông tin E-voucher chi tiết.
- 7.6. E-voucher đã hết hạn hoặc đã được sử dụng sẽ được tự động cập nhật trạng thái tương ứng trên hệ thống BVBank và sẽ không hiển thị tại danh mục quà tặng của Khách hàng trên ứng dụng Ngân hàng điện tử BVBank. Thời điểm cập nhật có thể là ngay sau khi hết hạn/khách hàng sử dụng E-voucher hoặc cập nhật sau theo chu kỳ riêng tùy theo từng đối tác. BVBank sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc Khách hàng không sử dụng được E-voucher đã hết hạn/đã sử dụng trước đó nhưng hệ thống BVBank chưa cập nhật được trạng thái kịp thời.
- 7.7. Tra cứu điểm thưởng
- i. Tại ứng dụng Digimi; hoặc
 - ii. Các ứng dụng khác do BVBank triển khai trong từng thời kỳ; hoặc
 - iii. Liên hệ hotline Ngân hàng Bản Việt 1900 555 596; hoặc Chi nhánh/PGD Ngân hàng Bản Việt;
- 7.8. Đổi tiền thưởng, quà tặng tại ứng dụng Digimi và/hoặc các kênh giao dịch khác được BVBank triển khai từng thời kỳ.
- 7.9. Các yêu cầu quy đổi quà tặng khi đã thực hiện thành công thì không thể bị hủy bỏ, hoàn lại hay thay đổi. Thẻ quà tặng/mã mua hàng đã đổi không thể đổi thành phần thưởng khác hay trả lại, thay thế dưới bất cứ hình thức nào.
- 7.10. BVBank có quyền từ chối yêu cầu quy đổi quà và thu hồi lại số điểm thưởng nếu phát hiện các giao dịch được tính điểm thưởng không hợp lệ.
- 7.11. Khách hàng sẽ chịu mọi nghĩa vụ thuế phát sinh (nếu có) liên quan đến việc nhận quà theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 8. Điều khoản thi hành**
- 8.1. Chương trình có hiệu lực từ ngày **22/09/2026 đến ngày 31/12/2026**
- 8.2. Khách hàng được tham gia đồng thời các chương trình ưu đãi, khuyến mãi khác của BVBank triển khai từng thời kỳ.
- 8.3. Các nội dung, quy định chưa được quy định cụ thể tại Thẻ lệ này sẽ được áp dụng theo các quy định hiện hành liên quan của BVBank và/hoặc Pháp luật.

PHỤ LỤC 1 – DANH MỤC MCC HẠN CHẾ

STT	MCC	DIỄN GIẢI
1	7311	ADVERTISING SER
2	7399	BUSINESS SERVIC
3	4829	MONEY TRANSFER
4	6010	FIN INST MANUAL CASH
5	6050	ELECTRONIC CASH
6	6051	FOREIGN CURENC
7	6211	SECURITY BROKER
8	6513	REAL ESTATE AGE
9	6530	MERCHANT RSVL
10	6538	MASTERCARD MONEYSEND FUNDING
11	9211	COURT COSTS
12	9222	FINES
13	9311	TAX PAYMENTS
14	9399	GOVERNMENT SERV
15	9402	POSTAL SERVICES
16	9405	INTRA-GOV. PURC
17	7995	GAMBLING TRANSACTION
18	5541	SERVICE STATION
19	5542	AUTOMATED FUEL
20	6011	FINANCIAL INST
21	7801	GOVERNMENT LICENSED CASINOS
22	7802	LICENCED HORSE/DOG RACING
23	9754	GAMBLING-RACING, LOTTERIES
24	5499	MISCELLANEOUS F
25	5735	RECORD SHOPS
26	8398	CHARITABLE AND SOCIAL SERVICE ORGANIZATIONS
27	8661	RELIGIOUS ORGANIZATIONS
28	7321	CONSUMER CR REPORTING AGEN
29	7333	COMMERCIAL PHOTO/ART/GRAPH
30	7338	QUICK COPY/REPRO SERVICES
31	7339	STENOGRAPHIC SERVICES
32	7342	EXTERMINATING/DISINFECT SERV
33	7349	CLEAN/MAINT/JANITORIAL SERV
34	7361	EMPLOYMENT/TEMP HELP AGEN
35	7372	COMPUTER PROGRAM/SYS DESIGN
36	7392	MGMT/CONSULT/PUBLIC REL SER
37	7393	DETECTIVE/PROTECTIVE AGEN
38	7394	EQUIP/FURN RENT/LEASE SERV
39	7395	PHOTOFINISH LABS/DEV
40	7523	PARKING LOTS,METERS,GARAGES
41	6012	FINANCIAL INST/MERCHANDISE
42	6532	PAYMENT TRANSACTION-MEMBER FINANCIAL INSTITUTION

43	6533	PAYMENT TRANSACTION-MERCHANT
44	6536	VISA MOBILE MONEY TRANSFER
45	6537	MONEYSEND INTERCOUNTRY
46	6540	POI FUNDING TXN
47	6529	REMOTE STORED VALUE LOAD-MEMBER FINANCIAL INSTITUTION
48	9223	BAIL AND BOND PAYMENTS
49	5816	DIGITAL GOODS GAMES
50	5983	FUEL DEALERS—COAL, FUEL OIL, LIQUEFIED PETROLEUM, WOOD
51	5172	PETROLEUM AND PETROLEUM PRODUCTS
52	7800	GOVERNMENT OWNED LOTTERIES
53	9406	GOVERNMENT-OWNED LOTTERY
54	4900	UTILITIES/ELEC/GAS/H2O/SANI
55	4814	TELECOMMUNICATION SERVICES
56	4899	CABLE, SAT, PAY TV/RADIO SVCS
57	5999	MISC SPECIALTY RETAIL
58	5960	DIRECT MARKETIN
59	5968	CONTINUITY/SUBS/ DIRECT MARKETING
60	5962	DIRECT MKTG-TRAVEL RELATED ARR
61	5963	DIRECT SELL/DOOR-TO-DOOR
62	5964	CATALOG MERCHANT
63	5965	COMBINATION CATALOG & RETAIL
64	5966	OUTBOUND TELEMARKETING MERCHNT
65	5967	INBOUND TELEMARKETING MERCHANT
66	5969	OTHER DIRECT MARKETERS
67	5734	5734-COMPUTER SOFTWA/ RECORD STORES
68	5944	JEWELRY STORES
69	5094	PRECIOUS STONES AND METALS, WATCHES, AND JEWELRY
70	7631	ELECTRONIC REPAIR SHOP
71	7999	RECREATION SERVICES (NOT ELSEWHERE CLASSIFIED)
73	5735	RECORD STORES/ RECORD SHOPS
74	5815	DIGITAL GOODS - AUDIOVISUAL MEDIA INCLUDING BOOKS, MOVIES, AND MUSIC
75	5817	DIGITAL GOODS - SOFTWARE APPLICATIONS (EXCLUDING GAMES)
76	5818	DIGITAL GOODS - MULTI-CATEGORY
77	4816	COMPUTER NETWORK/INFORMATION
78	8999	PROFESSIONAL SERVICES (NOT ELSEWHERE CLASSIFIED)
79	5945	HOBBY, TOY, AND GAME SHOPS